TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2019/HC-PT
Ngày: 28-10-2019
V/v: Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tồn

Ông Nguyễn Tấn Long

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 171/2019/TLPT-HC ngày 30 tháng 7 năm 2019, về việc: *"Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*"

Do bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo; giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Bà **Trần Thị Kim P,** sinh năm 1938**.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quốc P1, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Trần Tuấn L - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng.

- ***Người bị kiện:***

+ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Trí Th, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: Ông Phan Khắc C, Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Quảng Nam.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam

+ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn T1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện N:

- Ông Lê Văn N1, Chuyên viên Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện N.

- ***Người kháng cáo*:** Bà Trần Thị Kim P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trần Thị Kim P trình bày:

Về diện tích đất bị thu hồi: Gia đình bà Trần Thị Kim P được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N cấp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AK 934639, AK 934640 và AK 934641 cùng ngày 25/8/2009 với diện tích 2194m^2, mục đích sử dụng là đất trồng lúa. Sau đó, gia đình bà chuyển qua nuôi tôm vì ngập nước mặn, trên đập thì trồng cây bạch đàn.

Ngày 10/9/2013 UBND huyện N ban hành 2 Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình bà là Quyết định số 4463/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 1353,9m^2 và Quyết định số 4449/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất đối với diện tích 1307,1m^2. Tổng diện tích đất thu hồi theo 02 Quyết định trên là 2661m^2 trên tổng diện tích đất của gia đình bà là 2903,6m^2, thiếu của gia đình bà 242,6m^2 đất. Số liệu đo đạc diện tích đất thu hồi trên là theo Quyết định của UBND huyện N, thực tế gia đình bà sử dụng diện tích đất là trên 3000m^2. Đối với phần diện tích đất 242,6m^2 (thiếu so với GCNQSDĐ) chưa được xem xét bồi thường. Đề nghị UBND huyện N xem xét tiếp tục bồi thường.

Việc thu hồi đất nhưng không bố trí lại đất có cùng mục đích sử dụng, không hỗ trợ, không bồi thường diện tích đất thực tế hộ gia đình bà sử dụng và số tiền bà đã bỏ ra để đắp bờ, ngăn đập, không hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề và nhiều chính sách khác là ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà.

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: UBND huyện N ban hành Quyết định số 6858/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà P với số tiền 327.850.971 đồng. Gia đình bà P không đồng ý với Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 6858/QĐ-UBND và gia đình bà đã nhiều lần kiến nghị về xin bố trí lại đất có cùng mục đích sử dụng ở nơi khác cho gia đình bà có đất để sản xuất, nhưng không được

giải quyết và gia đình bà xin áp giá đền bù theo GCNQSDĐ và xin được nhận 01 suất tái định cư tối thiểu để gia đình bà làm nhà ở, vì nhà bà ở sát đường Quốc lộ đã giải tỏa làm đường, phần diện tích đất còn lại thuộc hành lang đường bộ nên không xin được giấy phép xây dựng. Gia đình bà mượn nhà tạm của thôn để ở từ đó đến nay.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP; điểm a, khoản 1, Điều 79 Luật đất đai 2013; điểm a, khoản 1, Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015; tiết 1.2, khoản 1, Điều 29 Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam thì hộ gia đình bà đủ điều kiện để xem xét bố trí tái định cư khi thu hồi đất.

Ngày 20/11/2013 gia đình bà P đã làm đơn khiếu nại gửi đến cơ quan có thẩm quyền tại huyện N, tuy nhiên việc giải quyết khiếu nại không đúng thực tế nên gia đình bà không đồng ý nhận tiền và bàn giao đất.

Về việc cưỡng chế thu hồi đất: Do hộ gia đình bà không bàn giao đất nên ngày 10/4/2017 UBND huyện N ban hành 2 Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 3191/QĐ-UBND và Quyết định số 3192/QĐ-UBND. Đến ngày 11/5/2017 UBND huyện N tổ chức cưỡng chế thu hồi đất. UBND huyện N chưa giải quyết dứt điểm trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhưng lại ban hành các Quyết định cưỡng chế thu hồi đất là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà.

Về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam: Việc giải quyết khiếu nại không đúng thực tế sử dụng đất của gia đình bà nên bà không đồng ý.

Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại.

- Hủy Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại.

- Hủy Quyết định số 3191/QĐ-UBND và Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 4449/QĐ-UBND và Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân.

- Hủy Quyết định số 6858/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Thị Kim P.

- Buộc UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Thị Kim P theo đúng quy định pháp luật.

Theo Văn bản số 267/UBND-TNMT ngày 22/3/2019 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam, trình bày:

+ Về quá trình thu hồi đất:

Ngày 10/9/2013 UBND huyện N ban hành Quyết định số 4463/QĐ-UBND thu hồi đất của bà Trần Thị Kim P với diện tích 1353,9m^2 thuộc thửa 907, tờ bản đồ số 7, loại đất nuôi trồng thủy sản (theo GCNQSDĐ là thửa 314 và 315, tờ bản đồ số 29, tại thôn M, xã T, huyện N) và ban hành Quyết định 4449/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất đồng thời thu hồi đất của bà Trần Thị Kim P, diện tích 1307,1m^2 trong đó thuộc thửa đất số 968, tờ bản đồ số 7, diện tích 903,3m^2, loại đất nuôi trồng thủy sản (Theo Hồ sơ 64/CP là thửa số 374 và 375, tờ bản đồ số 29) và thuộc thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7, diện tích 397,8m^2, loại đất cây lâu năm khác (Theo Hồ sơ 64/CP là thửa 361, tờ bản đồ số 29), địa chỉ các thửa đất tại thôn M, xã T, huyện N để xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư, nhà ở công nhân T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Như vậy, UBND huyện N ban hành Quyết định số 4463/QĐ-UBND và Quyết định số 4449/QĐ-UBND thu hồi đất của bà P là đúng chủ sử dụng đất, đúng diện tích, loại đất và đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 11, Điều 53, Điều 62 và Điều 66 Luật đất đai năm 2013. Mặt khác, bà P nhận 02 Quyết định trên vào ngày 07/10/2013 nên căn cứ theo quy định tại Điều 116 Luật TTHC thì việc bà P khởi kiện 02 Quyết định trên là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, việc bà P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 4463/QĐ-UBND và Quyết định số 4449/QĐ-UBND là không có cơ sở.

+ Về quá trình bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Ngày 01/11/2013 UBND huyện N ban hành Quyết định 6858/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Thị Kim P là đúng với quy định tại Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam; Quyết định 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam; Quyết định 34/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam; Quyết định 03/2012/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND huyện N. Mặt khác, bà P nhận Quyết định 6858/QĐ-UBND vào ngày 07/11/2013 nên căn cứ Điều 116 Luật TTHC thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà P đề nghị hủy Quyết định 6858/QĐ-UBND là không có cơ sở.

+ Về quá trình ban hành Quyết định và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:

Ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 3191/QĐ-UBND và Quyết định số 3192/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà P do không bàn giao mặt bằng theo Quyết định thu hồi đất Quyết định 4463/QĐ-UBND và Quyết định số 4449/QĐ-UBND của UBND huyện N. Việc cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo đúng phương án đã được phê duyệt. Căn

cứ theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 1 Thông tư số 30/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 20 Quyết định 3219/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam thì Quyết định số 3191/QĐ-UBND và Quyết định số 3192/QĐ-UBND được ban hành đúng theo quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà P đề nghị hủy 02 Quyết định trên là không có cơ sở.

+ Về việc giải quyết khiếu nại:

Do bà Trần Thị Kim P không bàn giao mặt bằng theo Quyết định 4463/QĐ-UBND và Quyết định số 4449/QĐ-UBND của UBND huyện N nên ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 3191/QĐ-UBND và Quyết định số 3192/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà P là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Việc Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 về việc giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về quy trình giải quyết khiếu nại. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại là không có cơ sở.

Từ những cơ sở trên, xét thấy việc người khởi kiện yêu cầu buộc UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Thị Kim P là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của người khởi kiện.

Theo Văn bản số 1681/UBND-NC ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam, trình bày:

Về cưỡng chế thu hồi đất: Hộ bà Trần Thị Kim P không bàn giao mặt bằng theo Quyết định 4463/QĐ-UBND và Quyết định số 4449/QĐ-UBND của UBND huyện N. Do đó, ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 3191/QĐ-UBND và Quyết định số 3192/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà P.

Sau khi vận động, thuyết phục nhưng hộ bà P vẫn không bàn giao mặt bằng. Do đó, ngày 11/5/2017 Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà P theo Quyết định 3191/QĐ-UBND và Quyết định số 3192/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện N.

Không thống nhất với việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện N nên bà P khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 không chấp nhận nội dung khiếu nại. Ông Hữu không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N nên ông khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam.

Xét thấy, việc cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện N đối với hộ bà Trần Thị Kim P được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013 và Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 20 Quyết định 3219/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 không công nhận nội dung khiếu nại của bà Trần Thị Kim P. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đề nghị Tòa án bác nội dung khởi kiện của bà P, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim P về việc yêu cầu "Hủy Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại; Hủy Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại; Hủy Quyết định số 3191/QĐ-UBND, Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc cưỡng chế thu hồi đất; Hủy Quyết định số 4449/QĐ-UBND ngày 10/9/2013, Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân; Hủy Quyết định số 6858/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Thị Kim P; Buộc Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Thị Kim P theo đúng quy định pháp luật."

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và các chi phí tố tụng khác.

Ngày 10/6/2019, bà Trần Thị Kim P nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam phải xem xét điều chỉnh tăng giá trị đền bù, bồi thường diện tích đất thu hồi còn thiếu và bố trí đất tái định cư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Các Quyết định số 4449/QĐ-UBND, Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 và Quyết định số 6858/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND huyện N,

tỉnh Quảng Nam đã hết thời hiệu khởi kiện theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính; đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với các quyết định hành chính trên.

Đối với các Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 3191/QĐ-UBND, Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc cưỡng chế thu hồi đất, thấy rằng: Việc cưỡng chế thu hồi đất, giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N là đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Kim P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hiệu khởi kiện, Ủy ban nhân dân huyện N cho rằng các Quyết định số 4449/QĐ-UBND, Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 và Quyết định số 6858/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam đã hết thời hiệu khởi kiện.

[2] Theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 116, thời hiệu khởi kiện đối với quyết định hành chính được quy định như sau: *"01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc"*. Trong thời hạn do pháp luật qui định bà P không có đơn khởi kiện các quyết định hành chính trên. Ngày 24/12/2018, bà Trần Thị Kim P mới có đơn khởi kiện các quyết định hành chính trên là hết thời hiệu khởi kiện theo qui định trên. Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định hành chính trên là không đúng qui định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Các quyết định hành chính trên là các quyết định hành chính có liên quan trong quá trình xem xét yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định hành chính còn trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án không thụ lý yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định hành chính trên nhưng cần đưa các chủ thể ban hành các quyết định này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xem xét tính hợp pháp của các quyết định này theo qui định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Đối với Quyết định số 3191/QĐ-UBND và Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc cưỡng chế thu hồi đất: Các quyết định số 3191 và 3192 trên được ban hành vì bà P không bàn giao mặt bằng theo Quyết định thu hồi đất số 4449/QĐ-UBND và Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND huyện N.

[5] Ngày 03/5/2017 Chủ tịch UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 4030/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với bà P, thường trú tại thôn M, xã T, huyện N.

[6] Ngày 05/5/2017 UBND huyện N ban hành Quyết định 4059/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 3191/QĐ-UBND và Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N.

[7] Ngày 10/5/2017, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất vận động, thuyết phục, đối thoại với bà P và đề nghị bà P nhận tiền, bàn giao mặt bằng nhưng bà P vẫn không thống nhất.

[8] Việc cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện N đối với hộ bà Trần Thị Kim P đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[9] Do đó, bà P yêu cầu hủy Quyết định số 3191/QĐ-UBND và Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N là không có cơ sở.

[10] Đối với Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại: Theo Quyết định số 4463/QĐ-UBND thì bà Trần Thị Kim P bị thu hồi đất với diện tích 1353,9m^2 thuộc thửa 907, tờ bản đồ số 7, loại đất nuôi trồng thủy sản (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 314 và 315, tờ bản đồ số 29, tại thôn M, xã T, huyện N) và Quyết định 4449/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất đồng thời thu hồi đất của bà Trần Thị Kim P, diện tích 1307,1m^2 trong đó thuộc thửa đất số 968, tờ bản đồ số 7, diện tích 903,3m^2, loại đất nuôi trồng thủy sản và thuộc thửa đất số 967, tờ bản đồ số 7, diện tích 397,8m^2, loại đất cây lâu năm khác, tại thôn M, xã T, huyện N. Việc bà P cho rằng thu hồi thiếu 242,6m2 đất là không có cơ sở; Ủy ban nhân dân huyện N đã giải quyết bồi thường hỗ trợ cho hộ bà P theo đúng qui định.

[11] Việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện N đối với hộ bà P được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và nội dung Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại đối với bà P là đúng theo quy định pháp luật. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 là không có cơ sở.

[12] Đối với Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại lần hai: Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại đối với bà P là đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định pháp luật nên Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam không công nhận nội dung khiếu nại của bà Trần Thị Kim P là đúng quy định pháp luật.

Do đó, bà P yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1994/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam là không có cơ sở.

[13] Việc UBND huyện N ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc Chủ tịch UBND huyện N, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ban hành các quyết định cưỡng chế thu hồi đất, giải quyết khiếu nại là phù hợp quy định của pháp luật nên yêu cầu buộc UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Thị Kim P là không có cơ sở.

[14] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Trần Thị Kim P về yêu cầu hủy các Quyết định số 3191/QĐ-UBND, Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện N và Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại là có căn cứ, đúng pháp luật. Do không chấp nhận yêu cầu hủy các quyết định trên nên các quyết định hành chính liên quan có hiệu lực thi hành.

[15] Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Kim P.

[16] Bà Trần Thị Kim P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, bà P là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Kim P.

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện các quyết định hành chính: Quyết định số 4449/QĐ-UBND, Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 và Quyết định số 6858/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim P về các yêu cầu:

a. Hủy Quyết định số 3191/QĐ-UBND, Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc cưỡng chế thu hồi đất;

b. Hủy Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại;

c. Hủy Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại;

d. Buộc Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Thị Kim P.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Kim P được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự